TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **112**/2024/DS-ST
Ngày: 21-3-2024.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông **Trần Văn Nghiệm**.

2.Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLST-DS ngày 03/01/2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-DS ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Trần Thị X, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị X trình bày**:

Vào ngày 13/01/2017, bà Nguyễn Thị T còn nợ tôi số tiền nợ hụi là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng), biên nhận này do bà T viết, bà T ký tên ghi họ tên. Từ khi viết biên nhận nợ cho đến nay thì bà T chưa trả cho tôi số tiền nào. Sau đó vào ngày 29/02/2018 thì bà T có vay tiếp của tôi số tiền gốc là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 05%/tháng, tức là mỗi tháng bà T phải trả cho tôi số tiền lãi là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi ngàn đồng). Từ khi viết biên nhận nợ này cho tới nay thì bà T không có trả cho tôi số tiền lãi nào. Như vậy hiện nay bà T còn nợ lại tôi tổng số tiền là 12.500.000đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Nay tôi yêu cầu:

- Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/3/2018 cho đến khi xét xử, yêu cầu trả vốn và lãi một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

***Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày**:

Tôi thống nhất hiện nay tôi còn nợ bà Trần Thị X số tiền nợ là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng), xin trả mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng), bắt đầu trả vào ngày 10/4/2024 dương lịch, sau đó cứ vào ngày 10 tây hàng tháng tiếp theo tôi sẽ trả tiếp 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng), trả cho đến khi trả hết số nợ 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng). Số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thì hàng tháng tôi có trả lãi mỗi tháng là 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng), tôi trả từ ngày 29/02/2018 trả đến ngày 19/11/2020 thì ngưng không trả lãi cho đến nay, các giấy tờ trả lãi thì không có để cung cấp cho tòa án.

***Tại phiên tòa**:

+ Nguyên đơn bà X có mặt, bà X yêu cầu:

- Bà Nguyễn Thị T trả cho bà X tổng số tiền là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà T có mặt, bà T thừa nhận bà T còn nợ bà Trần Thị X số tiền nợ là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng), xin trả mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng), bắt đầu trả vào ngày 10/4/2024 dương lịch, sau đó cứ vào ngày 10 tây hàng tháng tiếp theo bà T sẽ trả tiếp 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng), trả cho đến khi trả hết số nợ 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng), do hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả một lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng góp hụi" theo quy định tại Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị X yêu cầu: Bà Nguyễn ThịT trả cho bà X số tiền nợ hụi là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên nhận nợ ngày 13/01/2017 và tiền vay số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên nhận ngày 29/02/2018.

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Bà X cung cấp tài liệu, chứng cứ là: "Hai Biên nhận nợ có chữ ký tên, ghi họ tên của bà Nguyễn Thị T" với số tiền hụi là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và tiền vay là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng thành tiền là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, bà T cũng thống nhất thừa nhận hiện nay bà T còn nợ bà X tổng số tiền là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo hai biên nhận nợ này là đúng. Bà T có ký tên, ghi họ tên vào hai biên nhận nợ này.

Bà T có trả lãi hàng tháng cho bà X nhưng các giấy tờ trả lãi thì bà T không có để cung cấp cho Tòa án.

Tuy nhiên, bà T cũng đồng ý thừa nhận bà T hiện nay còn nợ lại bà X tổng số tiền là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng). Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bà X khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà X tổng số tiền nợ là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) là co cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu trả dần: Bà T xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng), bắt đầu trả vào ngày 10/4/2024 Dương lịch, sau đó cứ vào ngày 10 tây (Mười tây) hàng tháng tiếp theo thì bà T sẽ trả tiếp 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) cho bà X, trả cho đến khi trả hết số nợ 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) do hoàn cảnh bà T khó khăn không có khả năng trả một lần. Bà X không đồng ý để bà T trả dần, vì số nợ này đã lâu từ năm 2017, năm 2018 cho đến nay, bà X đã liên hệ bà T đòi nhiều lần nhưng bà T vẫn không trả tiền. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, việc bà T xin trả dần hàng tháng 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) là kéo dài thời gian trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà X, không được bà X đồng ý nên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin được trả dần này của bà T không phù hợp nên không được chấp nhận.

[4].Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Xinh nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, tuy nhiên bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên bà Thương không phải chịu tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên Xử</u>:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X.

-Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị X số tiền là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

Thời gian trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

***Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Do bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Trần Thị X số tiền là 373.500 đồng (Ba trăm bảy mươi ba ngàn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai thu số 0009226 ngày 30/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T.

***Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thanh Trinh